TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ THÀNH PHỐ** **HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 52/2017/HSST
Ngày: 15 - 8 - 2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chiều.

Bà Tạ Thị Ngọc Giang

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thuý Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 55/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2017, đối với:

- *Bị cáo:* Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1977 tại quận B, thành phố Hà Nội; nơi cư trú và ĐKHKTT: Tổ dân phố T, phường P, quận B, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị V; có chồng và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 152 do Công an huyện Đ, thành phố Hà Nội lập ngày 20/6/2017; tạm giữ, tạm giam: Không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

- *Người bị hại:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Cụm 4, xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường P, quận B, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

- Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 17/5/2017, Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1977 ở Tổ dân phố T, phường P, quận B, thành phố Hà Nội, điều khiển xe máy Honda Cub màu xanh, biển kiểm soát 29-704-VM đi từ xã Tr, huyện Đ qua xã L, huyện Đ để về nhà. Khi T đi đến khu vực thuộc Cụm 4, xã L thì nhìn thấy một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu đen, biển kiểm soát 29X3-098.51 của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 ở Cụm 4, xã L đang dựng ở trong ngõ, đối diện cửa phụ của quán bia "R", chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe. T đi xe của mình đến bờ mương cách đó 300m và để xe ở đó, rồi đi bộ về chỗ chiếc xe Honda Vision. Sau khi quan sát thấy không có ai trông giữ, T đi đến dắt chiếc xe, mở khóa khởi động nhưng không được. T tiếp tục dắt chiếc xe đi bộ được khoảng 100m thì khởi động được xe và đi đến chùa K thuộc Cụm 1, xã L, Thuý dắt xe vào để ở cổng phụ chùa K. Sau đó, T đi xe ôm của một người không quen biết quay lại chỗ để xe máy của mình, lấy xe và đi đến phường C, quận B vào quán nước của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (anh T có hộ khẩu thường trú tại phường M, quận B) để gửi xe. Tại đây, T đã thuê anh T chở đến cổng chùa K để lấy chiếc xe máy vừa trộm cắp, khi T vừa tra chìa khóa vào ổ khóa xe máy thì bị Công an xã L phát hiện đưa về trụ sở làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐ ngày 22/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Một chiếc xe mô tô (xe máy) nhãn hiệu Honda Vision, màu đen, bạc, biển số 29X3-098.51, số khung 3308CY85761, số máy F33E- 0185829 đã qua sử dụng, có giá trị là 16.500.000 đồng.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị Hồng T đã khai nhận: Hàng ngày T đều đi đến khu vực hai xã Tr, H thuộc huyện Đ để bán xôi sáng. Sáng ngày 17/5/2017, sau khi bán hết hàng T đi về nhà ngang qua xã L thì thấy chiếc xe máy để ở ngoài đường ngõ xóm, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa xe. Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy để bán lấy tiền, vì vậy T đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Sau khi bị phát hiện, bắt giữ cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng gồm:

+ Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đen, bạc, biển số 29X3-098.51, số khung 3308CY85761, số máy F33E-0185829 là tài sản bị T trộm cắp. Cơ quan điều tra đã trả cho chị Nguyễn Thị H là chủ sở hữu chiếc xe.

+ Một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Cub màu xanh - trắng, biển kiểm soát 29-704-VM là xe của ông Nguyễn Văn L, bố chồng của T cho T mượn dùng đi bán xôi ngày 17/5/2017 gửi tại cửa hàng của anh Nguyễn Văn T. Ông Nguyễn Văn L khai mua chiếc xe máy từ năm 1997, ông L cho T mượn để đi chợ, ông L không biết việc T dùng xe máy để đi trộm cắp. Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông L.

+ T đã giao nộp cho cơ quan điều tra một mũ bảo hiểm, một khăn vải, một chiếc áo sơmi, một chiếc quần vải, một đôi tất bằng vải là những vật dụng T mặc trên người khi

thực hiện hành vi phạm tội. Một đoạn dây cao su, một chiếc thúng tre là những vật dụng T sử dụng để đi bán xôi ngày 17/5/2017.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 26 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Thị Hồng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T tại phiên tàa đó khai nhận: Do bị cáo nợ tiền nhiều nên khi thấy chủ sở hữu tài sản có sự sơ hở trong việc quản lý, T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy, mục đích để bạn lấy tiền trả nợ. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai trái nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

Người bị hại là chị Nguyễn Thị H có đơn trình bày đã được nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì và xin được vắng mặt tại phiên toà. Đồng thời, chị H cũng có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa trình bày luận tội, giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng T về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 6 tháng đến 9 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Căn cứ Điều 41, 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng và trả lại cho bị cáo toàn bộ vật dụng cá nhân đã thu giữ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét Đ đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Thị Hồng T đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai nhận tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng lời khai của người bị hại, những người làm chứng, vật chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 9 giờ 00 phút sáng ngày 17/5/2017, Nguyễn Thị Hồng T đã có hành vi lấy trộm chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, biển số 29X3-098.51 của chị Nguyễn Thị H đang để trước cửa nhà tại Cụm 4, xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Sau khi lấy được xe máy của chị H, T đem xe đến để ở cổng phụ chùa K, thuộc Cụm 1, xã L. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi T quay lại chùa K để lấy chiếc xe máy trộm cắp được mang đi tiêu thụ thì bị Công an xã L phát hiện đưa về trụ sở để làm việc. Theo kết quả định giá của

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, chiếc xe máy Honda Vision của chị Nguyễn Thị H có trị giá 16.500.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T đã lợi dụng sự sơ hở để lén lút chiếm đoạt chiếc xe máy của chị Nguyễn Thị H nên đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội, vì vậy cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo T đã thực hiện.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét: Bị cáo T phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có các tình tiết đó là: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người lao động, nhất thời phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tài sản đã được thu hồi và đã trả lại cho người bị hại. Xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ để giáo dục bị cáo thành người tốt, đồng thời cũng đáp ứng với yêu cầu phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bản thân có hai con còn nhỏ phải nuôi dưỡng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo qui định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Chiếc xe máy Honda Vision biển kiểm soát 29X3-098.51, số khung 3308CY85761, số máy F33E-0185829 là tài sản bị Nguyễn Thị Hồng T trộm cắp, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị H là chủ sở hữu. Chị H không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

Xử lý vật chứng: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Cub màu xanh - trắng, biển kiểm soát 29-704-VM, bị cáo T sử dụng khi thực hiện tội phạm được xác định là xe của ông Nguyễn Văn L (bố chồng của T) cho T mượn dùng đi bán xôi ngày 17/5/2017. Ông Nguyễn Văn L không biết việc T dùng chiếc xe máy này để đi trộm cắp nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho ông L là đúng pháp luật.

Vật chứng là 01 chiếc mũ bảo hiểm xe máy, 01 chiếc khăn vải, 01 chiếc áo sơmi, 01 chiếc quần vải, 01 đôi tất bằng vải, 01 đoạn dây cao su, 01 chiếc thúng tre là những vật dụng cá nhân của T bị thu giữ khi thực hiện hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo T.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T **12** (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **24** (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng T cho Uỷ ban nhân dân phường P, quận B, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã được trả lại tài sản và không yêu cầu gì về việc bồi thường về dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

- Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng T 01 chiếc mũ bảo hiểm xe máy màu xám trắng, trên mũ có chữ Honda và biểu tượng của Honda, kích thước 26x20cm, quai mũ màu đen bằng vải; 01 chiếc khăn vải, viền màu da cam, trong có hình hoa văn đủ các màu, kích thước 50x47cm; 01 chiếc áo sơmi bằng vải màu vàng, hình kẻ đen, xám đỏ; 01 chiếc quần dài bằng vải màu nâu, kích thước 86x43cm; 01 đôi tất bằng vải màu tím, đầu tất màu đen trên có họa tiết hình bông hoa và nấm; 01 đoạn dây cao su có lõi màu đen vỏ bọc bằng vải màu cam, kích thước 300 x 1cm đã qua sử dụng; 01 chiếc thúng bằng tre, màu nâu, kích thước 89 x 60,5 x 21 cm đã cũ (Các vật chứng hiện lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/7/2017 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, thành phố Hà Nội).

- Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại là chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Bị cáo .....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Doãn Văn Tuyến